

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Luận

Ông Phạm Kiên Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Thân Thanh Huyền
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Đức A, sinh năm 1991. Vắng mặt;
HKTT: Thôn X, xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Chị Đặng Thị B, sinh năm 1992. Vắng mặt;
HKTT: Thôn X, xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.
Hiện trú tại: Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa án nguyên đơn anh Hà Đức A trình bày: Anh kết hôn với chị Đặng Thị Hạnh, sinh năm 1992 tại thôn Thiên Đức, xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh ngày 20/01/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Sau ngày cưới chị B về làm dâu nhà anh ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân là do tính cách giữa không hòa hợp, vợ chồng thường A bất đồng về quan điểm sống. Vì thế chị B đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3 năm 2015; trong thời gian này vợ chồng đã gặp gỡ nhiều lần, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng chị B

không nhất trí về đoàn tụ với anh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay, anh xác định giữa vợ chồng không còn tình cảm, thời gian sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với chị B.

- Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Thị D, sinh ngày 03/03/2012 và Hà Đức Gia E, sinh ngày 25/05/2014; hiện tại hai con chung vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay hai con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị B không đóng góp gì để nuôi con, thi thoảng chỉ về thăm con một lúc rồi lại đi ngay. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, riêng, nợ chung, riêng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là chị Đặng Thị B* hiện đang lao động tại Trung Quốc. Tòa án đã tiến hành làm việc với mẹ chị B là bà Vũ Thị Hoan thì được bà Hoan cung cấp hiện nay chị B đang làm công nhân ở nước ngoài, chỉ thỉnh thoảng liên lạc với gia đình qua điện thoại và bà có thông báo cho chị B biết việc anh A xin ly hôn. Tuy nhiên, chị B không cung cấp địa chỉ cho bà và cũng không gửi văn bản từ Trung Quốc về cho Tòa án được, chị B có trao đổi với bà đồng ý ly hôn; chị B đồng ý giao cho anh A nuôi hai con chung là Hà Thị D, sinh ngày 03/03/2012 và Hà Đức Gia E, sinh ngày 25/05/2014; tài sản chung và công nợ: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị B không có mặt nên Tòa án không tiến hành được.

Tại phiên tòa hôm nay, anh A có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đặng Thị B vắng mặt mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng trong vụ án là anh A đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; còn chị B không tuân thủ các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Hà Đức A được ly hôn chị Đặng Thị B; Con chung: Giao 02 con chung là Hà Thị D, sinh ngày 03/03/2012 và Hà Đức Gia E, sinh ngày 25/05/2014 giao cho anh Hà Đức A nuôi dưỡng; tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Hà Đức A có đơn yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị B, hiện chị B đang cư trú và làm việc tại Trung Quốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Đức A và chị Đặng Thị B đăng ký kết hôn ngày 20/01/2012 tại UBND xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của Hà Đức A và chị Đặng Thị B là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh A thì thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân với nhau, khi chị B đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc cũng không nói gì với anh A.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh A và chị B đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vì vậy yêu cầu ly hôn của anh A là có căn cứ, phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng nên được chấp nhận.

- Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Thị D, sinh ngày 03/03/2012 và Hà Đức Gia E, sinh ngày 25/05/2014. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay các cháu vẫn ở cùng anh A. Khi ly hôn cần giao cho anh A chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con: Do anh A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Án phí: Anh Hà Đức A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 228, 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Anh Hà Đức A được ly hôn chị Đặng Thị B.

2. Con chung: Giao 02 con chung là Hà Thị D, sinh ngày 03/03/2012 và Hà Đức Gia E, sinh ngày 25/05/2014 cho anh Hà Đức A nuôi dưỡng, chăm sóc.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

3. Tài sản, công nợ: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Hà Đức A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2021/0008075 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Tài.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Trung Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai